

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi			
						Điểm Ưu tiên	Điểm	Tổng điểm	Ghi chú
1	0001	Nguyễn Thị Lan Anh	01/06/1995	Nữ	Kinh		43.00		
2	0002	Trần Thị Ngọc Ánh	06/03/1995	Nữ	Kinh		.00		
3	0003	Sùng Y Ca	20/03/1994	Nữ	H'Mông	5.00	46.00		
4	0004	Bùi Thị Chinh	30/09/1994	Nữ	Mường	5.00	74.00	79.00	
5	0005	Trần Thị Cúc	27/06/1997	Nữ	Kinh		1.00		
6	0006	Bùi Thị Dung	01/10/1994	Nữ	Mường	5.00	67.00	72.00	
7	0007	Bùi Văn Dũng	12/11/1990	Nam	Mường	5.00	57.00	62.00	
8	0008	Hà Văn Duy	13/02/1993	Nam	Tày	5.00	61.00	66.00	
9	0009	Nguyễn Đức Duy	10/03/1994	Nam	Mường	5.00	76.00	81.00	
10	0010	Bùi Thị Diệp	19/06/1989	Nữ	Mường	5.00	57.00	62.00	
11	0011	Nguyễn Công Đức	22/09/1997	Nam	Tày	5.00	69.00	74.00	
12	0012	Bùi Văn Được	15/02/1993	Nam	Mường	5.00	84.00	89.00	
13	0013	Nguyễn Thị Hà	23/05/1991	Nữ	Kinh		80.00	80.00	
14	0014	Lê Văn Hải	15/10/1991	Nam	Mường	5.00	74.00	79.00	
15	0015	Bùi Thị Hạnh	14/09/1996	Nữ	Mường	5.00	78.00	83.00	
16	0016	Lý Văn Hạnh	08/02/1992	Nam	Dao	5.00	79.00	84.00	
17	0017	Trịnh Thị Hào	26/04/1987	Nữ	Kinh	5.00	75.00	80.00	
18	0018	Bùi Thị Diễm Hằng	23/04/1993	Nữ	Mường	5.00	82.00	87.00	
19	0019	Nguyễn Thị Hậu	05/03/1992	Nữ	Mường	5.00	32.00		
20	0020	Hoàng Thị Thu Hiền	11/01/1986	Nữ	Tày	5.00	74.00	79.00	
21	0021	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/01/1996	Nữ	Kinh		96.00	96.00	
22	0022	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh	5.00	43.00		
23	0023	Bùi Thị Hiếu	20/09/1990	Nữ	Mường	5.00	50.00	55.00	
24	0024	Trần Đình Hiếu	16/11/1991	Nam	Kinh		95.00	95.00	
25	0025	Đinh Thị Hoa	23/01/1992	Nữ	Mường	5.00	78.00	83.00	
26	0026	Hoàng Thị Hoa	30/06/1992	Nữ	Kinh		66.00	66.00	
27	0027	Bùi Thị Thanh Hòa	15/06/1991	Nữ	Mường	5.00	50.00	55.00	
28	0028	Đỗ Thị Hòa	01/06/1994	Nữ	Kinh		77.00	77.00	

Ghi chú: BT: Bỏ thi.

Thư ký



Bùi Văn Phong

Giám sát



Nguyễn Thị Phọt tạo

Hòa Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi			
						Điểm Ưu tiên	Điểm	Tổng điểm	Ghi chú
1	0029	Trịnh Thị Thu Hoài	10/11/1987	Nữ	Kinh		79.00	79.00	
2	0030	Bàn Văn Hồng	22/05/1985	Nam	Dao	5.00	84.00	89.00	
3	0031	Vì Thị Huê	21/09/1991	Nữ	Thái	5.00	54.00	59.00	
4	0032	Kiều Thị Thanh Huyền	19/02/1997	Nữ	Kinh		26.00		
5	0033	Bùi Thị Hương	09/04/1986	Nữ	Mường	5.00	67.00	72.00	
6	0034	Đỗ Thị Lan Hương	20/06/1996	Nữ	Kinh		42.00		
7	0035	Lê Thị Lan Hương	03/04/1996	Nữ	Kinh		83.00	83.00	
8	0036	Nguyễn Thị Hương	24/11/1994	Nữ	Kinh		48.00		
9	0037	Đinh Thị Kiên	16/08/1994	Nữ	Mường	5.00	77.00	82.00	
10	0038	Đinh Thị Lan	29/07/1990	Nữ	Mường	5.00	95.00	100.00	
11	0039	Khà Thị Lan	25/02/1995	Nữ	Thái	5.00	52.00	57.00	
12	0040	Phạm Ngọc Lan	12/03/1987	Nữ	Kinh		90.00	90.00	
13	0041	Nguyễn Tùng Lâm	17/07/1997	Nam	Kinh		77.00	77.00	
14	0042	Đinh Thị Lân	27/07/1993	Nữ	Mường	5.00	47.00		
15	0043	Nguyễn Thị Ngọc Liên	01/09/1987	Nữ	Kinh		72.00	72.00	
16	0044	Nguyễn Tú Liên	08/01/1998	Nữ	Kinh		79.00	79.00	
17	0045	Hà Văn Linh	07/05/1990	Nam	Thái	5.00	57.00	62.00	
18	0046	Ngô Thị Diệu Linh	09/12/1995	Nữ	Kinh		63.00	63.00	
19	0047	Trần Thị Mai Loan	28/05/1989	Nữ	Kinh		75.00	75.00	
20	0048	Hà Văn Luận	14/04/1988	Nam	Tày	5.00	46.00		
21	0049	Hoàng Thị Lưu	10/03/1987	Nữ	Mường	5.00	43.00		
22	0050	Lò Thị May	12/06/1993	Nữ	Thái	5.00	36.00		
23	0051	Lia Thị Mỏ	08/10/1992	Nữ	H'Mông	5.00	53.00	58.00	
24	0052	Bùi Văn Mùi	08/11/1991	Nam	Mường	5.00	51.00	56.00	
25	0053	Đinh Thị Ngân	18/08/1996	Nữ	Mường	5.00	56.00	61.00	
26	0054	Nguyễn Thị Hồng Ngân	03/08/1990	Nữ	Kinh		58.00	58.00	
27	0055	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/04/1990	Nữ	Kinh		82.00	82.00	
28	0056	Trần Thị Bích Ngọc	10/04/1997	Nữ	Kinh		75.00	75.00	

Ghi chú: BT: Bỏ thi.

Thư ký



Bùi Văn Phong

Giám Sát



Nguyễn Thị Thu Hoài

Hòa Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi			
						Điểm Ưu tiên	Điểm	Tổng điểm	Ghi chú
1	0057	Bùi Thị Nguyên	17/02/1986	Nữ	Mường	5.00	71.00	76.00	
2	0058	Đinh Thị Thanh Nhân	01/05/1990	Nữ	Kinh	5.00	79.00	84.00	
3	0059	Bùi Văn Sỹ Nhật	27/07/1992	Nam	Mường	5.00	80.00	85.00	
4	0060	Hoàng Hồng Nhung	07/01/1997	Nữ	Mường	5.00	73.50	78.50	
5	0061	Nguyễn Thị Nhung	03/06/1995	Nữ	Kinh		60.50	60.50	
6	0062	Nông Thị Nụ	08/06/1994	Nữ	Tày	5.00	74.50	79.50	
7	0063	Đinh Thị Phương	04/05/1990	Nữ	Kinh		80.00	80.00	
8	0064	Đỗ Thị Bạch Phương	19/05/1989	Nữ	Mường	5.00	71.50	76.50	
9	0065	Lê Thị Phương	01/11/1997	Nữ	Kinh		72.00	72.00	
10	0066	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/12/1992	Nữ	Kinh		65.00	65.00	
11	0067	Nguyễn Thị Phương	10/11/1991	Nữ	Kinh		78.00	78.00	
12	0068	Bùi Thị Quê	01/10/1992	Nữ	Mường	5.00	44.50		
13	0069	Bùi Thị Quyên	27/07/1990	Nữ	Mường	5.00	95.00	100.00	
14	0070	Đinh Thị Lâm Quỳnh	26/06/1997	Nữ	Mường	5.00	31.00		
15	0071	Hà Thị So	29/08/1996	Nữ	Thái	5.00	91.00	96.00	
16	0072	Bùi Kim Thảo	04/09/1994	Nữ	Mường	5.00	80.50	85.50	
17	0073	Bùi Phương Thảo	04/10/1993	Nữ	Mường	5.00	84.50	89.50	
18	0074	Bùi Thị Thảo	02/01/1993	Nữ	Mường	5.00	74.50	79.50	
19	0075	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/11/1989	Nữ	Kinh		67.00	67.00	
20	0076	Nguyễn Thị Thắm	18/06/1993	Nữ	Kinh		93.00	93.00	
21	0077	Quách Thị Thơm	01/02/1989	Nữ	Mường	5.00	42.00		
22	0078	Lại Thị Hồng Thu	23/03/1992	Nữ	Kinh		88.00	88.00	
23	0079	Nguyễn Phương Thu	02/11/1983	Nữ	Kinh		72.00	72.00	
24	0080	Bùi Thị Thủy	16/12/1994	Nữ	Mường	5.00	92.50	97.50	
25	0081	Hồ Thu Thủy	21/01/1995	Nữ	Kinh		88.50	88.50	
26	0082	Lương Thanh Thủy	01/06/1987	Nữ	Kinh		82.00	82.00	
27	0083	Nguyễn Thị Thương	20/05/1991	Nữ	Kinh		90.00	90.00	
28	0084	Bùi Thị Minh Trang	30/07/1997	Nữ	Mường	5.00	53.00	58.00	

Ghi chú: BT: Bỏ thi.

Hòa Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thư ký

Giám sát




Bùi Văn Phong

Nguyễn Thị Thu Hào



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
Bùi Thị Kim Tuyền

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	G.tính	Dân tộc	Kết quả thi			
						Điểm Ưu tiên	Điểm	Tổng điểm	Ghi chú
1	0085	Bùi Thị Trang	01/05/1990	Nữ	Mường	5.00	74.00	79.00	
2	0086	Nguyễn Thị Trang	30/10/1994	Nữ	Kinh		51.00	51.00	
3	0087	Quách Thị Trang	02/04/1990	Nữ	Mường	5.00	60.00	65.00	
4	0088	Trần Thị Thùy Trang	24/02/1996	Nữ	Kinh		40.00		
5	0089	Trịnh Văn Tuấn	29/06/1994	Nam	Kinh	5.00	94.50	99.50	
6	0090	Bùi Thị Tuất	24/12/1994	Nữ	Mường	5.00	72.00	77.00	
7	0091	Bùi Văn Tuyên	20/04/1989	Nam	Mường	5.00	50.00	55.00	
8	0092	Bùi Thị Vân	28/08/1995	Nữ	Mường	5.00	87.50	92.50	
9	0093	Đinh Thị Vân	20/12/1993	Nữ	Mường	5.00	79.00	84.00	
10	0094	Trần Thị Hải Vân	29/10/1993	Nữ	Mường	5.00	77.00	82.00	
11	0095	Quách Thị Vượng	12/06/1995	Nữ	Mường	5.00	45.50		
12	0096	Hà Văn Yên	19/12/1994	Nam	Tày	5.00	45.00		
13	0097	Bùi Thị Như Yến	04/09/1992	Nữ	Mường	5.00	97.50	102.50	
14	0098	Nguyễn Thị Yến	08/11/1992	Nữ	Kinh		80.00	80.00	
15	0099	Nguyễn Thị Yến	29/09/1997	Nữ	Kinh		53.00	53.00	
16	0100	Nguyễn Thị Yến	30/10/1994	Nữ	Kinh		85.00	85.00	
17	0101	Bùi Thị Thu Hằng	17/08/1990	Nữ	Mường	5.00	68.00	73.00	
18	0102	Nguyễn Thu Huyền	24/01/1991	Nữ	Kinh		61.00	61.00	
19	0103	Trương Thị Thúy	11/03/1989	Nữ	Mường	5.00	76.50	81.50	
20	0104	Bùi Thị Trinh	29/08/1988	Nữ	Mường	5.00	63.00	68.00	
21	0105	Bùi Thị Hiền	01/08/1997	Nữ	Mường	5.00	59.00	64.00	
22	0106	Bùi Thị Sinh	15/09/1987	Nữ	Mường	5.00	22.00		
23	0107	Bùi Văn Đạo	03/09/1988	Nam	Mường	5.00	34.00		
24	0108	Bùi Như Hoa	29/04/1989	Nữ	Mường	5.00	61.00	66.00	
25	0109	Bùi Tiến Quân	16/10/1991	Nam	Mường	5.00	68.00	73.00	
26	0110	Nguyễn Thị Hồng Thu	28/12/1991	Nữ	Kinh		56.00	56.00	

Ghi chú: BT: Bỏ thi.

Thư ký



Bùi Văn Phong

Giám sát



Nguyễn Thị Thu Hằng

Hòa Bình, ngày 27 tháng 8 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
Bùi Thị Kim Tuyền